TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 1479/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 05/12/2017
V/v : "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Ông Nguyễn Hữu Phúc
2/- Bà Trần Thị Thiên Hương

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Ông Lê Anh Quân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện VKSND Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :
Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 904/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 330/2017/QĐXX-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Ông Bùi A sinh năm 1978.
Địa chỉ : 327 đường X, Phường y, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn : Bà Nguyễn B sinh năm 1979.
Địa chỉ : 327 đường X, Phường y, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai nguyên đơn ông Bùi A trình bày : Ông và bà Nguyễn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Phường U, tỉnh Hải Dương ngày 05/4/2002 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2002. Quá trình chung sống có 03 con chung là Bùi Quý A sinh ngày 04/02/2009, Bùi Quý B sinh ngày 24/01/2010 và Bùi Quý C sinh ngày 08/02/2012.

Thời gian đầu chung sống bình thường, sau khi có con chung giữa vợ chồng xảy ra bất đồng, mâu thuẫn căng thẳng, không thể chia sẻ với nhau những khó khăn, tâm tư, tình cảm trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn kéo dài từ năm 2009 cho đến nay, mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải để hàn gắn hạnh phúc nhưng vẫn không cải thiện được. Ông và bà B đã sống ly thân từ tháng

4/2015 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung : Ông đồng ý cho bà B được trực tiếp giữ 3 con là Bùi Quý A sinh ngày 04/02/2009, Bùi Quý B sinh ngày 24/01/2010 và Bùi Quý C sinh ngày 08/02/2012.

Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn B trình bày: Bà và ông Bùi A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 05/4/2002 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2002. Quá trình chung sống có 03 con chung là Bùi Quý A sinh ngày 04/02/2009, Bùi Quý B sinh ngày 24/01/2010 và Bùi Quý C sinh ngày 08/02/2012.

Thời gian đầu chung sống bình thường, sau khi có con chung giữa vợ chồng xảy ra bất đồng, mâu thuẫn căng thẳng do ông A có người phụ nữ khác ở ngoài. Bà B xác nhận bà và ông A đã sống ly thân từ tháng 4/2015 cho đến nay, nhưng bà không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm và trách nhiệm với con cái.

Về con chung : Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi ba trẻ Bùi Quý A sinh ngày 04/02/2009, Bùi Quý B sinh ngày 24/01/2010 và Bùi Quý C sinh ngày 08/02/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn ông Bùi A và bà Nguyễn B có đơn xin vắng mặt, nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như trong các buổi làm việc và hòa giải tại Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định.Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :

- Nguyên đơn ông Bùi A yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn B có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại Quận 3, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự , là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự , Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A, bà B.

Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương cấp ngày 05/4/2002 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi A và bà Nguyễn B là hợp pháp.

Căn cứ Giấy khai sinh số 22/2009, quyển số 01/2009; Giấy khai sinh số 24/2010, quyển số 24/2010 và Giấy khai sinh số 17/2012, quyển số 01/2012 của UBND phường T, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương thể hiện ông A và bà B có ba con chung là Bùi Quý A sinh ngày 04/02/2009, Bùi Quý B sinh ngày 24/01/2010 và Bùi Quý C sinh ngày 08/02/2012.

1. Xét yêu cầu ly hôn :

- Xét, tại Bản án số 405/2016/HNGĐST ngày 12/4/2016 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số 831/2016/HNGĐ-PT ngày 22/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Bùi A và bà Nguyễn B đã phát sinh mâu thuẫn từ trước đó, ông A đã nộp đơn xin ly hôn, bản thân bà B cũng xác nhận có mâu thuẫn nhưng bà không đồng ý ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã bác yêu cầu ly hôn của ông A để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay ông A tiếp tục xin ly hôn, như vậy cho thấy từ thời điểm đó đến nay hai bên không thể hòa giải, hàn gắn được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng.

- Xét, lời khai của ông A, bà B tại bản tự khai, các biên bản hòa giải hai bên cùng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân và không có khả năng hàn gắn là phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án do đó yêu cầu ly hôn của ông A là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa ông A và bà B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A.

2. Về con chung :

Xét yêu cầu của ông A và bà B về việc được trực tiếp giữ nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy :

- Cả hai đương sự đều có yêu cầu được nuôi con, tuy nhiên ông A có ý kiến nếu bà B yêu cầu được giữ nuôi cả ba con chung ông vẫn đồng ý.

- Căn cứ lời khai của trẻ Bùi Quý A và Bùi Quý B tại Tòa án thể hiện có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét toàn diện quyền lợi về mọi mặt của con, xét giao con bà B giữ nuôi là phù hợp.

3. Về tài sản : Các đương sự không tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

4. Về án phí : Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 Mục II của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án thì ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về giải quyết yêu cầu của các đương sự :

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 Mục II của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi A.

- *Về quan hệ vợ chồng :* Ông Bùi A được ly hôn với bà Nguyễn B.

- *Về con chung :* Giao bà B trực tiếp giữ nuôi con chung là Bùi Quý A sinh ngày 04/02/2009, Bùi Quý B sinh ngày 24/01/2010 và Bùi Quý C sinh ngày 08/02/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi giữ hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản :* Không giải quyết về tài sản.

- *Về án phí :* Ông Bùi A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là

300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019180 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về quyền kháng cáo :

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
- *TAND Tp. Hồ Chí Minh;*
- *VKSND Quận 3;*
- *Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;*
- *UBND P. T, Tp.Hải Dương*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Ngọc